

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH GIA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Đức Danh và bà Dương Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hương - Kiểm sát viên VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

Ngày 17/5/2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2018 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Văn T** - Sinh năm: 1989

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Chị **Lê Thị A** - Sinh năm: 1986

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 02/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, anh Lê Văn T yêu cầu tòa án giải quyết:*

Về hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Lê Thị A tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 20/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T và chị A có quá nhiều bất đồng quan điểm, lối sống của hai bên không phù hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Anh T và chị A sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, ai lo phận người đó. Nay xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyện vọng của anh T xin được ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh T và chị A có 01 con chung là: Lê Văn Tuấn A – Sinh ngày: 18/02/2016. Nguyện vọng của anh T xin được nuôi con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị A trình bày:*

Về hôn nhân: Chị A và anh T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 20/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới, anh T và chị A thuê ở trọ riêng và làm nghề tự do tại địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Tháng 5 năm 2017, anh T trả nhà thuê nên chị A và con về nhà mẹ đẻ ở Phú Sơn sinh sống cho đến nay. Trong thời gian đó, anh T vẫn thường xuyên gọi điện và về nhà. Hiện tại, vợ chồng anh chị vẫn bình thường. Chị A xét thấy tình cảm vẫn còn, anh T xin ly hôn thì chị hoàn toàn không đồng ý.

Về con chung: Anh T và chị A có 01 con chung là: Lê Văn Tuấn A – Sinh ngày: 18/02/2016. Nguyện vọng của chị A xin được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị A không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị A trình bày : Nếu anh T kiên quyết xin ly hôn thì chị A cũng đồng ý ly hôn đối với anh T và chị xin được nuôi con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

** Ý kiến của Viện kiểm sát:* Đề nghị áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Đề nghị xử Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn T và chị Lê Thị A. Giao cháu Tuấn Anh cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A từ 1.000.000đ đến 1.500.000 đ/ 01 tháng. Anh T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn T và chị Lê Thị A là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị bất đồng quan điểm, lối sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc. Anh T và chị A đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay.

Tại phiên tòa anh T và chị A đều đồng ý ly hôn Vì vậy cần phải căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình để xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị A là hoàn toàn chính xác.

[2] Về con chung: Anh T và chị A có 01 con chung là: Lê Văn Tuấn A – Sinh ngày: 18/02/2016.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/01/2018 và ngày 05/4/2018, anh T và chị A đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, cháu Tuấn A chưa đủ 36 tháng tuổi. Xét thấy chị A có đủ điều kiện để nuôi con, do đó cần phải áp dụng khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để giao cháu Tuấn A cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh T cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A, nhưng chị A và anh T không thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con là bao nhiêu.

Tại phiên tòa anh T khai thu nhập hàng tháng của anh T là 5.000.000 đ/ 01 tháng. Do đó cần phải căn cứ khoản 2 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình để buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A là 1.500.000đ/ 01 tháng là phù hợp.

[3] Về tài sản: Anh T và chị A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản. Do đó Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Hai bên không thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án để buộc anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm và 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn T và chị Lê Thị A.

- Con chung: Anh T và chị A có 01 con chung là: Lê Văn Tuấn A – Sinh ngày: 18/02/2016.

Giao cháu Tuấn Anh cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi.

Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị A là 1.500.000 đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con từ tháng 6/2018 đến khi cháu Tuấn Anh đủ 18 tuổi.

- Tài sản: Anh T và chị A không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Án phí: Buộc anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm và 300.000 đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002437 ngày 17/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt anh T và chị A. Tuyên bố anh T và chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã P;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bắc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đức Danh

Dương Thị Hằng

Nguyễn Văn Bắc